

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH TƯỜNG
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ - ST

Ngày 18 tháng 9 năm 2019

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH TƯỜNG, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Minh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tôn Thiết

2. Ông Nguyễn Thái Hòa

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà:
Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2019/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phan Văn P, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Sinh quán: Thôn 7 xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn P, xã Y, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/03/2019 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phan Văn P trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị C ngày 15/03/2002 trước khi cưới có tìm hiểu, cưới có đăng ký tại UBND xã Yên Lập cưới xong chị C về ở chung với gia đình anh khoảng 08 tháng thì anh chị ra ở riêng và ở

nhờ vào nhà đất của ông C (bác họ chị C) tại thôn N, xã N. Năm 2003 anh vào làm ăn ở thành phố Đ, năm 2006 chị C vào làm ăn cùng với chị Nguyễn Thị Y (em gái) ở tỉnh Bình Dương. Năm 2010 anh đi cai nghiện ma túy đến năm 2012 thì về tỉnh cảm vợ chồng vẫn bình thường, năm 2013 hai vợ chồng vào làm trong công ty ZSUVINA của em gái chị Y tại xã H. Sau đó chị C và con ở tại công ty, năm 2014 anh không làm ở công ty nữa mà đi làm tự do còn chị C vẫn làm ở Công ty thỉnh thoảng có về nhà. Sau anh bảo chị C về nhà ở nhưng chị không về từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, anh đâm chán nản nên có đi quan hệ trai gái ở bên ngoài nên vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân. Năm 2017 chị C đưa cháu Đ lên ở với ông bà ngoại tại xã N, cuối năm 2018 chị C đón cháu Đ vào tỉnh Bình Dương không nói cho anh và gia đình biết. Hiện nay anh chỉ biết ba mẹ con chị C đang ở tỉnh Bình Dương, còn địa chỉ cụ thể thì anh không biết nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với chị C.

Tòa án đã báo gọi chị Nguyễn Thị C nhiều lần nhưng chị không đến làm việc và không lấy được lời khai của chị C, nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2019, ngày 22/5/2019 ông Nguyễn Văn Ngọc (bố chị C) trình bày: Năm 2002 gia đình ông tổ chức lễ cưới cho chị C với anh P, cưới xong chị C về làm dâu ở chung với gia đình anh P. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn là do anh P nghiện hút, chơi bời, không chịu làm ăn và không có trách nhiệm với vợ con. Sau đó chị C đưa hai con về ở tại gia đình ông một thời gian thì đưa con vào làm ăn tại tỉnh Bình Dương (khoảng tháng 9/2018), hiện nay ông không biết địa chỉ cụ thể của chị C nhưng khi nào có việc chị C hoặc con gái điện thoại về liên lạc với gia đình ông. Gia đình có nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án gửi cho chị C, ông đã thông báo qua điện thoại cho chị biết do chị C đi làm công nhân nên không về Tòa án làm việc được. Hộ khẩu của chị C hiện nay vẫn ở gia đình anh P, nay anh P xin ly hôn chị C ông không muốn các con ly hôn còn ở với nhau hay không do anh chị quyết định. Quan điểm của ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị C gia đình không có ý kiến gì.

Về con chung anh P khai: Anh và chị C có 02 con chung là cháu Phan Thị H sinh ngày 06/5/2003, Phan Thị Anh Đ, sinh ngày 19/02/2010 nay hai cháu đang ở với chị C tại tỉnh Bình Dương. Ly hôn anh để cho chị C nuôi hai con vì các cháu ở với chị từ nhỏ, tại phiên toà ngày 20/8/2019 anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Đ

là 3.000.000đ/tháng, nhưng tại phiên toà hôm nay vì anh không biết địa chỉ của chị C nên không cấp dưỡng nuôi con nữa.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác anh P khai: Không có gì nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về công sức: Chị C ở chung với gia đình anh khoảng 08 tháng trong thời gian này không mua sắm kiến thiết gì nên không có công sức.

Ông Nguyễn Văn N (bố chị C) khai: Chị C anh P có 02 con chung như anh P trình bày là đúng, hiện nay hai cháu đang ở với chị C tại tỉnh Bình Dương theo ông được biết thì hai cháu muốn ở với chị C, vì anh P nghiện nên không thể nuôi con được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản anh chị có gì hay không thì ông không biết.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn xin ly hôn của anh P, giải quyết cho anh P ly hôn với chị C.

Về con chung: Cả hai người con là cháu Phan Thị H sinh ngày 06/5/2003 và cháu Phan Thị Anh Đ, sinh ngày 19/02/2010 đang sống với chị C. Anh P có yêu cầu để các cháu tiếp tục sống với chị C, tại phiên tòa ngày 20/8/2019 anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị C 3.000.000đ/tháng. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay anh P khai do không biết địa chỉ của chị C và các con nên anh không thể thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con cùng chị C nữa. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Về mức cấp dưỡng do anh P đề nghị không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C, bản thân chị C không có mặt tại Tòa án để giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét về việc cấp dưỡng nuôi con chung, giành quyền khởi kiện cho chị C về việc yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung (nếu có).

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác, công sức anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng dân sự: Anh Phan Văn P có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết việc hôn nhân của anh và chị Nguyễn Thị C theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Về sự vắng mặt của chị C, tuy không lấy được lời khai của chị C nhưng Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các giấy tờ hợp lệ cho gia đình chị C. Anh P đã đề nghị Tòa án thông báo tìm kiếm chị C vắng mặt tại nơi cư trú vì vậy căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị C là đúng trình tự pháp luật.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Năm 2002 anh Phan Văn P kết hôn với chị Nguyễn Thị C trên cơ sở tự nguyện, trước khi cưới có tìm hiểu có đăng ký kết hôn là cuộc hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nên đã có 02 con chung, quá trình chung sống do anh P nghiện ma túy và có quan hệ trai gái nên tình cảm vợ chồng dần nứt nẻ, từ đó chị C chán nản đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở sau đó đưa con vào tỉnh Bình Dương làm ăn và vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay. Tòa án đã báo gọi nhiều lần nhưng chị C không đến làm việc, anh P đã đề nghị Tòa án thông báo tìm kiếm chị C vắng mặt tại nơi cư trú nhưng không thấy chị C về. Tại phiên tòa ngày 20/8/2019 anh P cung cấp địa chỉ của chị C ở khu phố mới thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vì vậy Hội đồng xét xử đã quyết định Tạm ngừng phiên tòa để uỷ thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương lấy lời khai của chị C và các con. Nhưng không lấy được lời khai của chị C vì anh P cung cấp địa chỉ không rõ ràng cụ thể, mặt khác trên địa bàn thị xã Dĩ An không có địa chỉ như anh P cung cấp. Xác minh tại địa phương được biết hộ khẩu của chị C hiện nay vẫn ở thôn Phú Yên 2, xã Yên Lập và chưa làm thủ tục cắt khẩu đi nơi khác, chị C không có mặt tại nơi cư trú địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Như vậy chị C cố tình dấu địa chỉ nhằm gây khó khăn cho anh P, thực tế chị C anh P đã sống ly thân từ năm 2018 điều đó chứng tỏ rằng tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu xin ly hôn của anh P là thực tâm. Vì vậy căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình giải quyết cho anh P được ly hôn với chị C là phù hợp.

[2]. Về con chung: Anh P chị C có 02 con chung là cháu H và cháu Đ nay hai cháu đang ở với chị C, ly hôn anh P để cho chị C nuôi cả hai con là phù hợp. Vì vậy cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và cháu Đ đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên toà ngày 20/8/2019 anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Đ là 3.000.000đ/tháng, nhưng tại phiên toà hôm nay do anh P không biết địa chỉ của chị C nên anh không cấp dưỡng nuôi con cùng chị C nữa. Mặt khác bản thân chị C không có mặt tại Toà án nên anh P không yêu cầu Toà án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác và công sức anh P không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phan Văn P là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo bản án các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho anh Phan Văn P được ly hôn với chị Nguyễn Thị C.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị C tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phan Thị H sinh ngày 06/5/2003 và cháu Phan Thị Anh Đ, sinh ngày 19/02/2010 (hiện nay hai cháu đang ở với chị C). Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phan Văn P không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác và công sức: Anh Phan Văn P không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phan Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0002114 ngày 19/03/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, anh P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CCTHADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ vụ án + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đỗ Thị Minh Bình